

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 65/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-7-2017  
Về tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH,  
TỈNH TÂY NINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Xuân Phong;
2. Ông Nguyễn Hữu Thọ.

**- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị Mỹ P**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số 105 đường H, khu phố I, phường J, thành phố K, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1971; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16/4, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cư trú: Số 44, khu phố M, thị trấn N, huyện Z, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lương Thị Mỹ P trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau từ năm 2014, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh

T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách. Ngoài ra, do chị và anh T không có việc làm, không có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 09/2015 cho đến nay. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Viết B, sinh ngày 14-02-2016, hiện đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

***Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải của bị đơn – anh Nguyễn Thành T thể hiện:***

Anh T thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Cuộc sống chung giữa anh và chị P không có hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị P yêu cầu ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Viết B, sinh ngày 14-02-2016 cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Anh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Chị P và anh T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị P và anh T là vợ chồng. Căn cứ Điều 15, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu B cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, **các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.**

**Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.**

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Về hôn nhân: Chị Lương Thị Mỹ P và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, chị P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng không thể xem xét cho anh chị thuận tình ly hôn mà căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận chị P và anh T là vợ chồng.

**[3]** Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Việt B, sinh ngày 14-02-2016. Nhận thấy cháu B còn nhỏ và đang sống ổn định với chị P, anh T cũng đồng ý giao cháu B cho chị P nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu B cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[4]** Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị P, anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5]** Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, chị P là nguyên đơn, do đó, chị P phải chịu án phí theo quy định là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

**[6]** Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận chị Lương Thị Mỹ P và anh Nguyễn Thành T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt B sinh ngày 14-02-2016 cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khoản trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003953 ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị P đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho chị P biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**